

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2025/HS-PT

Ngày: 15/01/2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Thái Văn Hà

Các thẩm phán: Ông Võ Công Phương

Ông Phan Minh Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Thu Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa:
Bà Hồ Kim Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 01 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 178 /2024/TLPT-HS ngày 04 tháng 11 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 229/2024/QĐXXPT-HS ngày 02 tháng 12 năm 2024 đối với bị cáo Lê Văn L do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 221/HS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2024 của tòa án nhân dân Thành phố Q, tỉnh Bình Định.

Bị cáo có kháng cáo:

LÊ VĂN L, sinh năm: 1978 tại huyện T, tỉnh Bình Định; nơi thường trú: Tổ 46 B, khu phố 5, phường Q, thành phố Q, tỉnh Bình Định; nơi ở hiện tại: Tổ 48, khu phố E, phường Q, thành phố Q, tỉnh Bình Định; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Anh T và bà Nguyễn Thị M (chết); có vợ (ly hôn) và 03 con (lớn nhất sinh năm 2006, nhỏ nhất sinh năm 2015); tiền án, tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa cho bị cáo:

1. Bà Hứa Thị Trung N, Luật sư hoạt động tại Văn phòng L1 thuộc Đoàn Luật sư tỉnh G; Địa chỉ: 106 L, phường I, thành phố P, tỉnh Gia Lai. (có mặt)

2. Bà Hoàng Thị Như N1, Luật sư hoạt động tại Văn phòng L1 thuộc Đoàn Luật sư tỉnh G; Địa chỉ: 106L, phường I, thành phố P, tỉnh Gia Lai (vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Anh Nguyễn Huy C; sinh năm 1978; nơi cư trú: Tổ 2, khu phố 1, phường T, thành phố Q, tỉnh Bình Định. (có đơn xin vắng mặt)

2. Anh Lê Duy T1; sinh năm 1970; nơi cư trú: Số nhà 32 đường N, phường Q, thành phố Q, tỉnh Bình Định. (có đơn xin vắng mặt)

3. Anh Huỳnh Anh H; sinh năm 1977; nơi cư trú: Số nhà 69/86 đường N, phường N, thành phố Q, tỉnh Bình Định. (có đơn xin vắng mặt)

4. Anh Văn Minh V; sinh năm 1980; nơi cư trú: Tổ 35, khu phố 4, phường Q, thành phố Q, tỉnh Bình Định. (có đơn xin vắng mặt)

5. Anh Lê Văn H1; sinh năm 1978; nơi cư trú: Tổ 48, khu phố 5, phường Q, thành phố Q, tỉnh Bình Định. (có đơn xin vắng mặt)

- Người làm chứng:

1. Anh Hồ Tấn N2; sinh năm 1991; nơi cư trú: Khu phố T, phường H, thị xã H, tỉnh Bình Định (vắng mặt).

2. Chị Lê Thị Thu H2; sinh năm 1981; nơi cư trú: Tổ 48, khu phố 5, phường Q, thành phố Q, tỉnh Bình Định (vắng mặt).

3. Ông Đặng Ngọc B; sinh năm 1962; nơi cư trú: Tổ 49, khu phố 5, phường Q, thành phố Q, tỉnh Bình Định (vắng mặt).

4. Anh Nguyễn Thanh T2; sinh năm 1983; nơi cư trú: Xã X, thị xã S, tỉnh Phú Yên (vắng mặt).

5. Anh Nguyễn Hoài N3; sinh năm 2007; nơi cư trú: Tổ 46B, khu phố 5, phường Q, thành phố Q, tỉnh Bình Định (vắng mặt).

6. Ông Phạm Đào N4; sinh năm 1962; nơi cư trú: Số nhà 07, đường T, phường L, thành phố Q, tỉnh Bình Định (vắng mặt).

7. Anh Trần Lê P; sinh năm 2003; nơi cư trú: Khu phố 1, phường Q, thành phố Q, tỉnh Bình Định (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 15 giờ 00 ngày 04/01/2024, thực hiện theo Kế hoạch số 02/KH-UBND ngày 02/01/2024 của Ủy ban nhân dân Phường Q, Tổ công tác của Ủy ban nhân dân phường Q gồm: Huỳnh Anh H (Công chức Địa chính – Xây dựng), Lê Duy T1 (Công chức Tư pháp), Văn Minh V (Công chức Địa chính – Xây dựng) đến khu đất tại tổ D, khu phố E, phường Q, thành phố Q để xác minh nội dung khiếu nại của hộ ông Nguyễn Thành T3. Khi đến nơi, Tổ công tác không trực tiếp vào nhà của ông T3, chị H2 mà điều khiển xe mô tô vào dựng ở sân nhà của Lê Văn L (là anh ruột của H2, trú hộ sát bên). Lúc này, L đang nhậu cùng với Lê Văn H1 và hai người quen khác ở đây nên đến chặn hỏi: “*Mấy anh vô đây có việc gì không ?*” thì các anh H, V, T1 không thông báo, giải thích lý do đến mà tiếp tục đi ra phía sau nhà và qua khu đất hộ chị H2 để tiến hành công

việc. Đến 15 giờ 25 cùng ngày, sau khi kiểm tra xong, Tổ công tác ra về thì phát hiện cổng đã bị khoá nên không ra được. Lúc này, L đến gần Tổ công tác và có lời lẽ to tiếng đe dọa, còn H1 dùng điện thoại quay phim Tổ công tác. L nói: *“Đây là nhà của Lê Văn L chứ phải nhà Nguyễn Thành T3 (chồng chị H2) đâu mà mấy ông đến đây làm gì? Tôi lên phường mấy ông không tiếp mà giờ đến đây kiểm tra cái gì?”*. Thấy vậy, anh H điện thoại báo tình hình cho ông Nguyễn Thanh T4 – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Q để báo cáo tình hình và yêu cầu Công an phường Q đến hỗ trợ. Khi nhận được tin báo trên, Công an phường Q cử lực lượng gồm: Anh Nguyễn Huy C (Phó Trưởng Công an phường) và anh Hồ Tấn N2 (Cán bộ Công an phường), mặc trang phục đúng Điều lệnh Công an nhân dân, đến nhà L để giải quyết. Khi đến nơi, anh C đến sát cổng giải thích với L không được có hành vi xâm hại đến Tổ công tác của Ủy ban nhân dân phường và yêu cầu mở cửa để Tổ công tác lấy xe ra về. Do chia khóa mà L cầm bị rơi mất tìm không ra nên vợ chồng chị H2, anh T3 hướng dẫn cho các anh H, V, T1 đi vòng ra phía sau nhà mình để ra ngoài, còn xe sẽ lấy sau. Do còn bức xúc nên L điều khiển xe ô tô đuổi theo, khi đến đoạn cua, xe ô tô không chạy được nên L xuống xe tiếp tục chạy theo hướng ra đường Đ. Khi Tổ công tác Ủy ban nhân dân phường Q đã ra đến bên ngoài, anh C đến ngăn hành vi tấn công của L thì L cầm 01 cái ghế (loại ghế xếp nhỏ, khung bằng sắt, bọc vải màu xanh) của quán nước nhà chị H2 xông đến nhằm vào người anh C đánh. Anh C đưa tay lên đỡ nên bị trúng vào khuỷu tay trái gây thương tích rách da chảy máu. Hậu quả là anh Nguyễn Huy C bị 01 vết rách da ở khuỷu tay trái và có đơn yêu cầu khởi tố vụ án hình sự.

Ngày 07/02/2024, Trung tâm Pháp y tỉnh B kết luận: Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích gây nên của Nguyễn Huy C tại thời điểm giám định là 01%. Ngày 24/4/2024, anh C có đơn xin rút yêu cầu khởi tố vụ án hình sự. Quá trình điều tra, Lê Văn L đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình như trên.

Bản án hình sự sơ thẩm số 221/2024/HSST ngày 30/9/2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định quyết định:

- Tuyên bố: Bị cáo Lê Văn L phạm tội *“Chống người thi hành công vụ”*.
- Áp dụng: Khoản 1 Điều 330; điểm i khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.
- Xử phạt: Bị cáo Lê Văn L 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù kể từ ngày bắt đi thi hành án.

Ngoài ra, bản án hình sự sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của những người tham gia tố tụng.

Ngày 13/10/2024 bị cáo Lê Văn L kháng cáo yêu cầu tòa xét xử phúc thẩm xem xét lại bản án hình sự sơ thẩm vì đã vi phạm thủ tục tố tụng trong quá trình thu giữ vật chứng không chính xác, không đúng qui định.

Ngày 10/01/2025 bị cáo Lê Văn L có đơn kháng cáo bổ sung thay đổi nội dung kháng cáo ngày 13/10/2024, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như bản án

sơ thẩm đã tuyên; bị cáo nhận thấy là vi phạm pháp luật xin Hội đồng xét xử phúc thẩm giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo. Hiện tại gia đình bị cáo còn khó khăn vợ ly hôn, cha đơn thân nuôi 02 con còn nhỏ vị thành niên đang đi học.

Tại phiên tòa, bị cáo Lê Văn L vẫn giữ nguyên kháng cáo bổ sung đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo .

Đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định phát biểu quan điểm: Đề nghị áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; khoản 3 Điều 54 Bộ luật hình sự. Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Lê Văn L. Đề nghị HĐXX giảm cho bị cáo 03 tháng tù.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Lê Văn L phát biểu luận cứ bào chữa: Bị cáo có nhân thân tốt; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Bị cáo thành khẩn khai báo ăn năn hối cải; Bị cáo đã ly hôn vợ hiện tại lao động chính và duy nhất trong gia đình, cha đơn thân đang nuôi các con còn nhỏ ở tuổi vị thành niên. Đề nghị hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 330 điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự cho bị cáo hưởng án treo.

Bị cáo Lê Văn L thống nhất như lời phát biểu của người bào chữa, không tranh luận viện kiểm sát mà chỉ xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra công an thành phố Q; Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân thành phố Q; Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Lê Văn L khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, phù hợp với lời khai người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và phù hợp với những tài liệu, chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử có đầy đủ căn cứ để xác định: Vào chiều ngày 04/01/2024 khi Tổ công tác của UBND phường Q đến xác minh nội dung khiếu nại của hộ bà Lê Thị Thu H2. Bị cáo L cho rằng Tổ công tác không nói rõ lý do và xem thường mình nên Lê Văn L đã có hành vi: Chặn lại, chửi bới, hăm dọa, khóa cổng không đồng ý mở cửa cho Tổ công tác ra về. Nhận được tin báo, Công an phường Q cử đồng chí Nguyễn Huy C và Hồ Tấn N2 đến giải quyết thì L có hành vi dùng 01 ghế xếp khung sắt đánh trúng vào khuỷu tay phải của anh C gây thương tích 01% nhưng Anh C không yêu cầu khởi tố vụ án hình sự về tội cố ý

gây thương và không yêu cầu bồi thường về sức khỏe nên cơ quan tố tụng không xem xét về hành vi này.

[3]. Hành vi trên của bị cáo L là nguy hiểm, xâm phạm đến việc thực hiện nhiệm vụ của người đang thi hành công vụ và thông qua đó xâm phạm đến hoạt động của Nhà nước về quản lý hành chính trong lĩnh vực thi hành nhiệm vụ công. Do đó, hành vi của bị cáo Lê Văn L bị Tòa án cấp sơ thẩm tuyên xử về tội “*Chống người thi hành công vụ*” theo khoản 1 Điều 330 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[4]. Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo của bị cáo Lê Văn L, Hội đồng xét xử thấy rằng: Bị cáo đã có hành vi chửi bới, hăm dọa, đóng cửa làm cản trở người thi hành công vụ thực hiện công vụ. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Lê Văn L thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội do bị cáo gây ra, Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan, tại phiên tòa bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng tình tiết giảm nhẹ thật thà khai báo, ăn năn hối cải được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự tại cấp sơ thẩm chưa được áp dụng. Ngoài ra, bị cáo Lê Văn L có nhân thân tốt; không có tiền án tiền sự; Bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Hoàn cảnh gia đình khó khăn, bị cáo là lao động chính duy nhất trong gia đình; Hiện bị cáo làm cha đơn thân (đã ly hôn) nuôi con đang ở độ tuổi vị thành niên.

Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51; Khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Lê Văn L 06 tháng tù là có phần nghiêm khắc. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ mới được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm, chấp nhận một phần kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Lê Văn L, xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được quy định tại khoản 3 Điều 54 Bộ luật hình sự cũng đủ thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội.

[5]. Về phần xử lý vật chứng: Tại phần nhận định của bản án sơ thẩm về phần xử lý vật chứng có nhận định: Vật chứng của vụ án là 01 USB, 01 đĩa DVD lưu trữ dữ liệu video trích xuất từ camera, 01 hình ảnh chụp 01 cái ghế có đặc điểm tương tự công cụ gây án, đó là các tài liệu, chứng cứ dùng để chứng minh tội phạm nên cần được lưu giữ trong hồ sơ vụ án nhưng phần Quyết định của bản án sơ thẩm không tuyên là thiếu sót cần rút kinh nghiệm nên Hội đồng xét xử phúc thẩm bổ sung phần xử lý vật chứng tại Quyết định của bản án phúc thẩm cho phù hợp với quy định tại Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự nhằm giải quyết vụ án một cách triệt để.

[6]. Về án phí: Theo điểm h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14, kháng cáo được chấp nhận nên bị cáo Lê Văn L không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[7]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm, không có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[8]. Đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[9]. Đề nghị của luật sư bào chữa cho bị cáo không phù hợp với nhận định của hội đồng xét xử nên không chấp nhận .

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 BLTTHS.
- Khoản 1 Điều 330; điểm i , s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; khoản 3 Điều 54; Điều 47 của Bộ luật Hình sự.
- Điều 106; Điều 135 của Bộ luật tố tụng hình sự.
- Điểm h khoản 2 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/PL-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận một phần kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Lê Văn L. Sửa phần hình phạt đối với bản án hình sự sơ thẩm số 221/2024/HS-ST ngày 30/9/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh Bình Định.

2. Xử phạt: Bị cáo Lê Văn L 03 (ba) tháng tù về tội “*Chống người thi hành công vụ*”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi thi hành án.

3. Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Lê Văn L không phải chịu.

4. Phần xử lý vật chứng: Vật chứng của vụ án là 01 USB, 01 đĩa DVD lưu trữ dữ liệu video trích xuất từ camara, 01 hình ảnh chụp 01 cái ghế có đặc điểm tương tự công cụ gây án nên lưu giữ làm tài liệu hồ sơ vụ án.

5. Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm, không có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

6. Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT.1 TANDTC
- VKSND tỉnh Bình Định
- TA, VKS, CQĐT Tp.Q
- Cơ quan THAHS Tp.Q
- Chi cục THADS Tp . Q
- Cơ quan HSNV Công an tỉnh Bình Định
- Sở tư pháp tỉnh Bình Định
- Những người tham gia tố tụng
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thái Văn Hà

